

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT -BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dệt May 7 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

- Mã chứng khoán: DM7

- Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3842.5372 Fax: (028) 3810.0489

- Email: tchc@detmay7.com

Website: www.detmay7.com

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26 / 3 /2025 tại đường dẫn: www.detmay7.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.TCKT. L04.



GIÁM ĐỐC

Đinh Quang Nhân

CÔNG TY TNHH MTV ĐÔNG HẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

Số: 80 /DM7-P.TCKT
V/v giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

- Mã chứng khoán: DM7
- Địa chỉ: 109A Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3842.5372 Fax: (028) 3810.0489
- Email: tchc@detmay7.com Website: www.detmay7.com

2. Nội dung thông tin công bố

Theo báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Dệt May 7, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Công ty Cổ phần Dệt May 7 xin giải trình như sau:

- Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Dệt May 7 đã thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2022 (Chi tiết theo công văn số 481/DM7-P.TCKT ngày 19/12/2023). Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của năm 2023 giảm, đồng thời làm tăng lợi nhuận sau thuế năm 2022 với cùng số tiền là 15.239.331.726 đồng.

- Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 tăng 15.073.700.961 đồng (tương đương 38%) so với báo cáo tài chính năm 2023.

Trên đây là nội dung giải trình về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024. Công ty Cổ phần Dệt May 7 kính gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng kính chào././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.TCKT. L04.

GIÁM ĐỐC



Đinh Quang Nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 27

0.0
D
Bh

1177
CC
1
TO
CHI
SÀ
NH-

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Tùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2025)
Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2025)
Ông Đinh Quang Nhẫn	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Hồng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2025)
Ông Cao Xuân Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đinh Quang Nhẫn	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc
Ông Hà Hồng Quân	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đinh Quang Nhẫn - Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



Đình Quang Nhân
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

3.1
T
H
Q
I
A
I
C
H

Số: 2104/2025/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
- CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Triệu Thị Thùy Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3779-2021-072-1

Y
N
17
30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		389.114.842.980	333.140.259.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	92.531.395.343	15.299.677.570
1. Tiền	111		32.531.395.343	5.299.677.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194.528.932.638	209.303.563.445
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	188.715.613.774	180.501.166.415
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.064.886.612	2.972.597.270
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	5.901.254.423	25.829.799.760
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(4.152.822.171)	-
III. Hàng tồn kho	140		101.851.256.997	108.189.581.639
1. Hàng tồn kho	141	V.5	101.851.256.997	108.189.581.639
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		203.258.002	347.436.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	12.550.000	347.436.749
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		190.708.002	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.929.722.484	163.697.663.129
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.400.000.000	5.400.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	5.400.000.000	5.400.000.000
II. Tài sản cố định	220		137.133.575.711	141.264.174.384
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	137.133.575.711	141.264.174.384
- Nguyên giá	222		526.009.496.469	514.623.742.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(388.875.920.758)	(373.359.568.548)
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.396.146.773	17.033.488.745
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	8.396.146.773	16.993.723.295
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	39.765.450
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		540.044.565.464	496.837.922.532

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		253.667.233.349	211.556.497.210
I. Nợ ngắn hạn	310		253.667.233.349	211.556.497.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	78.681.402.546	108.665.532.438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	123.893.342.277	55.682.663.147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	7.158.080.195	9.570.602.142
4. Phải trả người lao động	314		22.472.513.469	22.021.345.558
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		749.978.474	1.133.257.422
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	17.295.582.501	7.357.081.065
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.035.950.154
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	3.416.333.887	6.090.065.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.377.332.115	285.281.425.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	286.377.332.115	285.281.425.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.111.000.000	154.111.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.111.000.000	154.111.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.150.510.200	76.694.356.505
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.115.821.915	54.476.068.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.809.901	15.239.331.726
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		39.110.012.014	39.236.737.091
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		540.044.565.464	496.837.922.532



Nguyễn Thị Liễu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Đức
Kế toán trưởng



Đình Quang Nhân
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		868.155.807.971	620.231.260.463
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.676.100
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	868.155.807.971	620.224.584.363
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	740.060.321.023	535.222.894.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		128.095.486.948	85.001.689.657
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.112.863.040	685.795.676
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	9.416.961.157	3.483.572.061
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	43.810.071.611	33.418.401.524
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		75.981.317.220	48.785.511.748
11. Thu nhập khác	31	VI.6	28.586.774.055	2.019.226.086
12. Chi phí khác	32	VI.7	35.685.069.704	721.583.398
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7.098.295.649)	1.297.642.688
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.883.021.571	50.083.154.436
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	14.155.041.236	10.287.585.561
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		39.765.450	181.054.951
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		54.688.214.885	39.614.513.924
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.843	2.008
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.843	2.008



Nguyễn Thị Liễu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Đức
Kế toán trưởng



Đình Quang Nhân
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	957.192.865.340	531.363.945.826
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(705.677.542.258)	(400.665.395.443)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(80.302.715.397)	(85.752.414.863)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(14.897.292.871)	(14.541.727.202)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	34.377.262.399	29.278.781.598
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(67.799.920.321)	(66.509.169.056)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	122.892.656.892	(6.825.979.140)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.900.012.000)	(216.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	392.876.000	936.400.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.109.335.040	685.795.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.397.800.960)	1.406.195.676
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.263.138.159)	(21.179.494.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.263.138.159)	(21.179.494.202)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	77.231.717.773	(26.599.277.666)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	15.299.677.570	41.898.955.236
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	92.531.395.343	15.299.677.570



Nguyễn Thị Liễu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Đức
Kế toán trưởng



Đình Quang Nhân
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt May 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt May 7 từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300509782 và thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là 154.111.000.000 đồng, chia thành 15.411.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó Công ty TNHH MTV Đông Hải, một doanh nghiệp thành viên của Quân Khu 7 – Bộ Quốc Phòng, là công ty mẹ chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 109A Đường Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài của Công ty là: Det May 7 Joint Stock Company.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 477 người và 519 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) nhuộm, in ấn; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); dệt, nhuộm, in, gia công sản phẩm cơ khí, bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, mua bán các loại nguyên vật liệu, phụ tùng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty, có trụ sở chính tại tại xóm 8, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số là 0300509782-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021. Hoạt động kinh doanh chính của chi nhánh này là may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê máy móc thiết bị, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu bán hàng (tiếp theo)*

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	456.923.999	83.600.130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.074.471.344	5.216.077.440
Các khoản tương đương tiền (i)	60.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	92.531.395.343	15.299.677.570

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng, lãi suất trong kỳ là 4,6%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cục Quân Nhu - Tổng cục Hậu cần	168.569.520.286	146.181.536.649
Các khách hàng khác	20.146.093.488	34.319.629.766
Cộng	188.715.613.774	180.501.166.415

Trong đó, số dư phải thu bên liên quan

(xem Thuyết minh VII.2)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	2.031.791.730	299.197.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**3. Phải thu khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí hỗ trợ, bồi thường của Nhà nước phục vụ dự án nhà ga T3 chờ quyết toán (i)	5.250.151.969	20.025.293.794
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN người lao động	274.348.230	273.664.459
Tạm chia cổ tức	-	3.733.338.975
Các khoản khác	376.754.224	1.797.502.532
Cộng	5.901.254.423	25.829.799.760
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	5.400.000.000	5.400.000.000
Cộng	5.400.000.000	5.400.000.000

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan

(xem Thuyết minh VII.2)

	-	3.733.338.975
--	---	---------------

(i) Số dư thể hiện khoản hỗ trợ tháo dỡ, di dời nhà xưởng, máy móc liên quan đến việc Nhà nước thu hồi đất của Công ty Dệt May 7 để thực hiện dự án Xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn - đường Cộng Hòa, Tân Bình. Công ty đang làm việc với Ủy ban bồi thường để thu hồi khoản kinh phí hỗ trợ này.

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.305.644.341	4.152.822.170	(4.152.822.171)	-	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ xấu như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.152.822.171)	-
Số dư cuối năm	(4.152.822.171)	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.364.907.973	-	10.687.365.515	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.580.200.490	-	19.331.193.684	-
Thành phẩm	60.906.148.534	-	78.171.022.440	-
Cộng	101.851.256.997	-	108.189.581.639	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	337.386.749
Chi phí ngắn hạn khác	12.550.000	10.050.000
	12.550.000	347.436.749
b. Dài hạn		
Chi phí thuê máy móc thiết bị	3.041.666.679	10.341.666.675
Chi phí sửa chữa	3.644.444.440	6.377.777.776
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.629.524.297	84.039.353
Chi phí trả trước dài hạn khác	80.511.357	190.239.491
	8.396.146.773	16.993.723.295
Cộng chi phí trả trước	8.408.696.773	17.341.160.044

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	90.921.704.370	415.489.055.954	8.212.982.608	514.623.742.932
Mua trong năm	-	14.726.088.073	-	14.726.088.073
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.340.334.536)	-	(3.340.334.536)
Tại ngày 31/12/2024	90.921.704.370	426.874.809.491	8.212.982.608	526.009.496.469
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	53.441.917.329	312.467.633.761	7.450.017.458	373.359.568.548
Khấu hao trong năm	2.053.512.456	16.515.571.262	287.603.028	18.856.686.746
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.340.334.536)	-	(3.340.334.536)
Tại ngày 31/12/2024	55.495.429.785	325.642.870.487	7.737.620.486	388.875.920.758
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	37.479.787.041	103.021.422.193	762.965.150	141.264.174.384
Tại ngày 31/12/2024	35.426.274.585	101.231.939.004	475.362.122	137.133.575.711

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 321.821.977.138 đồng và 309.601.526.801 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 592.249.586 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>	
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm	19.239.463.370	21.308.690.450
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thanh Quang	18.189.318.355	18.583.143.759
Các nhà cung cấp khác	41.252.620.821	68.773.698.229
Cộng	78.681.402.546	108.665.532.438
Trong đó, số dư phải trả các bên liên quan <i>(Xem Thuyết minh VII.2)</i>	22.782.919.997	24.647.891.511

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng cục Hậu cần	112.100.000.000	46.100.000.000
Các khách hàng khác	11.793.342.277	9.582.663.147
Cộng	123.893.342.277	55.682.663.147

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.725.089.369	9.870.610.388	11.511.423.300	2.084.276.457
Thuế xuất, nhập khẩu	-	56.799.412	56.799.412	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.631.273.151	14.155.041.236	14.897.292.871	4.889.021.516
Thuế thu nhập cá nhân	207.964.262	1.199.483.092	1.229.389.612	178.057.742
Thuế tài nguyên	6.275.360	70.740.880	70.291.760	6.724.480
Các khoản phải nộp khác	-	1.203.921.494	1.203.921.494	-
Cộng	9.570.602.142	26.556.596.502	28.969.118.449	7.158.080.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.363.307.000	-
Tiền sử dụng đất phải nộp về Quân khu (i)	3.477.231.457	-
Kinh phí, đoàn phí công đoàn	795.514.477	1.139.572.035
Cổ tức của cổ đông công đoàn	561.365.814	2.141.657.848
Các khoản phải trả khác	2.098.163.753	4.075.851.182
Cộng	17.295.582.501	7.357.081.065
Trong đó, phải trả bên liên quan (xem Thuyết minh VII.2)	9.859.661.000	-

(i) Số dư thể hiện khoản còn phải nộp về Quân Khu 7 theo văn bản số 2871/QK-TTQP của Bộ Quốc phòng Quân Khu 7 ngày 20 tháng 10 năm 2023. Theo nội dung văn bản này, Công ty phải tạm nộp về Phòng Tài chính Quân khu với số tiền 6.954.462.914 đồng từ tiền cho thuê xưởng sai quy định.

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.090.065.284	4.495.658.022
Trích lập quỹ trong năm	11.812.815.992	12.554.026.189
Tặng khác	1.919.193.437	69.100.000
Sử dụng quỹ trong năm	(16.405.740.826)	(11.028.718.927)
Số dư cuối năm	3.416.333.887	6.090.065.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu				
Tại ngày 01/01/2023	154.111.000.000	60.247.876.781	54.649.830.806	269.008.707.587
Lợi nhuận trong năm	-	-	39.614.513.924	39.614.513.924
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	16.446.479.724	(16.446.479.724)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(11.844.749.356)	(11.844.749.356)
Quỹ thưởng Ban quản lý và điều hành công ty	-	-	(331.500.000)	(331.500.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(377.776.833)	(377.776.833)
Chia cổ tức	-	-	(10.787.770.000)	(10.787.770.000)
Tại ngày 01/01/2024	154.111.000.000	76.694.356.505	54.476.068.817	285.281.425.322
Lợi nhuận trong năm	-	-	54.688.214.885	54.688.214.885
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	16.456.153.695	(16.456.153.695)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(11.646.147.992)	(11.646.147.992)
Quỹ thưởng Ban quản lý và điều hành công ty	-	-	(166.668.000)	(166.668.000)
Chia cổ tức	-	-	(41.779.492.100)	(41.779.492.100)
Tại ngày 31/12/2024	154.111.000.000	93.150.510.200	39.115.821.915	286.377.332.115

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

b. Cổ đông

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đông Hải	7.859.661	51,00%	7.859.661	51,00%
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	2.000.000	12,98%	2.000.000	12,98%
Bà Trần Thị Phương Hạnh	2.000.000	12,98%	2.000.000	12,98%
Ông Đặng Văn Lâm	2.000.000	12,98%	2.000.000	12,98%
Các cổ đông khác	1.551.439	10,06%	1.551.439	10,06%
Cộng	15.411.100	100,00%	15.411.100	100,00%
				154.111.000.000
				154.111.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.411.100	15.411.100
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán đủ	15.411.100	15.411.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.411.100	15.411.100
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.411.100	15.411.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.411.100	15.411.100
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

d. Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức với tỷ lệ 12,36% trên lợi nhuận sau thuế năm 2023 và 4,75% trên lợi nhuận sau thuế tăng thêm năm 2022 sau kiểm toán nhà nước, tương ứng với 26.368.392.100 đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 09 tháng 12 năm 2024 thống nhất phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên cổ phiếu, tương đương 15.411.100.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	868.155.807.971	620.231.260.463
Hàng bán bị trả lại	-	6.676.100
Doanh thu thuần	868.155.807.971	620.224.584.363
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem Thuyết minh VII.2)	37.690.047.043	35.936.969.614

2. Giá vốn hàng bán

	2024	2023
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	740.060.321.023	535.222.894.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024	2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.109.335.040	685.795.676
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.528.000	-
Cộng	1.112.863.040	685.795.676

4. Chi phí bán hàng

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.838.316.850	3.592.240.849
Chi phí vật liệu, bao bì	134.539.609	166.836.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.606.064	80.606.064
Chi phí hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(1.035.950.154)	(5.805.736.717)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	6.399.448.788	5.449.625.178
Cộng	9.416.961.157	3.483.572.061

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.431.199.556	18.249.868.289
Chi phí đồ dùng văn phòng	224.175.066	149.493.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	917.358.152	939.254.854
Chi phí dự phòng	4.152.822.171	-
Thuế, phí và lệ phí	111.096.605	73.560.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.289.970.953	9.759.208.204
Chi phí bằng tiền khác	12.683.449.108	4.247.016.499
Cộng	43.810.071.611	33.418.401.524

6. Thu nhập khác

	2024	2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhận bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ dự án nhà ga T3	27.764.146.679	-
Các khoản thu nhập khác	822.627.376	2.019.226.086
Cộng	28.586.774.055	2.019.226.086

7. Chi phí khác

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ dự án nhà ga T3	27.494.089.512	-
Tiền cho thuê nhà xưởng không phù hợp với quy định phải nộp	6.954.462.914	-
Các khoản chi phí khác	1.236.517.278	721.583.398
Cộng	35.685.069.704	721.583.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.883.021.571	50.083.154.436
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.176.408.570)	(1.104.102.003)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.338.494.581	1.365.409.872
Thu nhập chịu thuế	70.045.107.582	50.344.462.305
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	14.009.021.516	10.068.892.461
Thuế TNDN truy thu từ các năm trước	146.019.720	218.693.100
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.155.041.236	10.287.585.561

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.688.214.885	39.614.513.924
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Hội đồng Quản trị	(10.877.930.000)	(8.676.230.246)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.810.284.885	30.938.283.678
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	15.411.100	15.411.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.843	2.008

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc năm trước để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay đã trừ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	580.256.668.250	427.756.827.275
Chi phí nhân công	88.195.054.001	97.138.789.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.856.686.746	18.904.287.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	98.963.077.694	59.336.084.032
Cộng	786.271.486.691	603.135.988.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	13.503.127.651	13.503.127.656
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	6.203.127.656	6.203.127.656
Trong năm thứ hai	6.203.127.656	6.203.127.656
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.882.110.241	6.336.655.696
Sau năm năm	45.485.202.967	46.779.239.714
Cộng	61.773.568.521	65.522.150.722

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi và máy móc thiết bị tại xóm 8, xã Hòa Hậu, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, diện tích thuê là 4.500 m². Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.
- Tiền thuê theo Hợp đồng thuê tài sản là máy kiểm bóng, bộ thu hồi và làm đặc xút. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2020. Công ty đã trả trước toàn bộ tiền thuê tài sản trong 5 năm.
- Tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê ký với Bộ Quốc Phòng số 1604/HĐSDĐQP tại địa chỉ số 109A Trần Văn Dư, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích thuê là 37.487 m². Thời hạn thuê của hợp đồng là 49 năm kể từ ngày 29 tháng 02 năm 2016.
- Tiền thuê đất quốc phòng theo Quyết định giao đất số 2370/QĐ-BTL ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Biên bản giao đất số 7441/BB-BTM ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại số D23 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích thuê là 3.000 m². Thời hạn thuê là 46 năm 3 tháng kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2018.

2. Các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Đông Hải
 Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh
 Bà Trần Thị Phương Hạnh
 Ông Đặng Văn Lâm
 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Cao Gia Phát

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Chung nhân sự chủ chốt
 Chung nhân sự chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các bên liên quan** (tiếp theo)

Chi tiết các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm trong năm		
Công ty TNHH MTV Đông Hải	519.156.112	849.065.483
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	29.806.853.728	35.087.904.131
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cao Gia Phát	7.364.037.203	-
Cộng	37.690.047.043	35.936.969.614
Chia cổ tức trong năm		
Công ty TNHH MTV Đông Hải	17.574.201.996	9.235.101.675
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	5.422.000.000	1.400.000.000
Cộng	22.996.201.996	10.635.101.675
Mua hàng trong năm		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm	61.426.866.900	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	-	2.301.296.248
Cộng	61.426.866.900	2.301.296.248
Mua nguyên vật liệu trong năm		
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	31.557.039.280	30.356.839.269
Cho thuê mặt bằng		
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	-	1.319.657.430
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính		
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cao Gia Phát	2.031.791.730	-
Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	299.197.800
	2.031.791.730	299.197.800
Phải thu khác		
<i>Tạm chia cổ tức</i>		
Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	3.733.338.975
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	3.543.456.627	3.339.201.061
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Thủy Lâm	19.239.463.370	21.308.690.450
	22.782.919.997	24.647.891.511
Phải trả khác		
<i>Tạm chia cổ tức</i>		
Công ty TNHH MTV Đông Hải	7.859.661.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thành Vinh	2.000.000.000	-
	9.859.661.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bền liên quan** (tiếp theo)**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm:**

2024	2023
VND	VND

2.408.013.596	2.724.020.000
---------------	---------------

Chi tiết thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao viên chức quản lý		Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát		Tổng cộng VND
		Tiền lương VND	VND	VND	VND	
Hội đồng quản trị						
Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	367.200.000	101.488.000	-	-	468.688.000
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị	257.437.596	10.080.000	14.280.000	14.280.000	281.797.596
Ông Cao Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	10.080.000	57.120.000	57.120.000	67.200.000
Ban Kiểm soát						
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	5.400.000	30.600.000	30.600.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.600.000	20.400.000	20.400.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.600.000	20.400.000	20.400.000	24.000.000
Ban Giám đốc và người quản lý khác						
Ông Đinh Quang Nhân	Giám đốc	326.400.000	89.656.000	-	-	416.056.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc	285.600.000	77.824.000	-	-	363.424.000
Ông Hà Hồng Quân	Phó Giám đốc	285.600.000	77.824.000	-	-	363.424.000
Ông Phạm Văn Tài	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)	71.400.000	77.824.000	-	-	149.224.000
Bà Nguyễn Thị Đức	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/04/2024)	214.200.000	-	-	-	214.200.000
Cộng		1.807.837.596	457.376.000	142.800.000	142.800.000	2.408.013.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bền liên quan** (tiếp theo)**Chi tiết thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương VND	Thù lao viên chức quản lý VND	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Hội đồng quản trị					
Bà Lại Thị Bảy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	367.200.000	270.800.000	-	638.000.000
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị	-	5.040.000	57.120.000	62.160.000
Ông Cao Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	5.040.000	57.120.000	62.160.000
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	5.400.000	30.600.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.600.000	20.400.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	-	300.000	20.400.000	20.700.000
Ban Giám đốc và người quản lý khác					
Ông Đinh Quang Nhân	Giám đốc	326.400.000	239.600.000	-	566.000.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Giám đốc	285.600.000	208.400.000	-	494.000.000
Ông Hà Hồng Quân	Phó Giám đốc	285.600.000	140.600.000	-	426.200.000
Ông Phạm Văn Tài	Kế toán trưởng	285.600.000	109.200.000	-	394.800.000
Cộng		1.550.400.000	987.980.000	185.640.000	2.724.020.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định (mã số 21) trong năm là 17.900.012.000 đồng bao gồm 3.969.200.000 đồng là số tiền ứng trước cho nhà cung cấp dùng để mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh vào dòng tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (mã số 02).

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt, may. Do đó, không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Nguyễn Thị Liễu
Người lập biểu



Nguyễn Thị Đức
Kế toán trưởng




Đinh Quang Nhân
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2025